

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 01 - 2024
V/v Tranh chấp về xác nhận cha
cho con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân;
Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp về xác nhận cha cho con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đậu Đức N, sinh năm 1990, địa chỉ: Tiểu khu A, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Trọng T, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt không có lý do.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Hà Quang C, sinh năm 1995, địa chỉ: Số C N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đậu Đức N trình bày:

Năm 2017 anh có tình cờ quen biết chị Nguyễn Thị L, hai bên có phát sinh tình cảm với nhau. Sau thời gian có quan hệ nam nữ, năm 2020 chị L có nói cho anh biết là chị L đang mang thai, nhưng anh không thể khẳng định được có phải là con của mình hay không. Tháng 11/2020 chị L sinh con và có nói cho anh biết đứa trẻ chị L mới sinh ra là con của anh. Vì vậy, thì thoảng anh có đến chơi thăm cháu bé và có chu cấp cho chị L một khoản tiền sinh hoạt. Thấy cháu bé lớn lên ngày càng giống anh, nên tháng 3/2023 anh có đề nghị chị L đưa cháu bé đi xét nghiệm ADN để xác định huyết thống xem có phải cha, con hay không. Sau khi có kết quả xét nghiệm anh được biết, cháu bé tên Lê Trọng T1 (sinh ngày 18/11/2020, theo Giấy khai sinh số 02, đăng ký ngày 05/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) có quan hệ huyết thống cha con với anh. Để anh có cơ hội được chăm sóc con mình được công khai, đảm bảo đầy đủ quyền lợi của con, anh đề nghị Tòa án giải quyết xác định cháu Lê Trọng T1 là con đẻ của anh và chị L, để anh được quyền thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu bé theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh Lê Trọng T, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có quan hệ là vợ chồng, kết hôn năm 2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận và đã có hai con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh năm 2010 và Lê Trọng Đ, sinh năm 2014. Đến năm 2018, chị thấy cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không có hạnh phúc, do chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, nên chị đã quyết định ra Hà Nội đi học làm đẹp SPA, sau đó chị có quen biết và phát sinh tình cảm với anh Đậu Đức N, sinh năm 1990, địa chỉ: Tiểu khu A, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình quen biết, chị và anh N có quan hệ sinh lý với nhau, dẫn đến chị có thai. Sau đó, ngày 18/11/2020 chị đã sinh cháu Lê Trọng T1. Nhưng do chị và chồng là anh T chưa ly hôn, nên khi sinh con chị vẫn đăng ký khai sinh cho cháu T1 có bố là Lê Trọng T, mẹ là Nguyễn Thị L. Từ khi có thai chị có nói cho anh N biết, thì anh N có hỗ trợ chị về kinh tế để sinh đẻ và nuôi con. Chị khẳng định là từ khi chị có thai và trước khi sinh cháu T1, chị đã nói cho anh T biết, nhưng anh T2 không chấp nhận. Chị có bảo anh T đi xét nghiệm, nhưng anh T cũng không đưa đi xét nghiệm. Nay anh N khởi kiện đề nghị xác định cháu T1 là con đẻ của anh N, chị xác định cháu T1 là con đẻ của anh N, nên chị đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết xác định cháu T1 là con đẻ của anh Đậu Đức N.

Tại bản tự khai ngày 04/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Trọng T trình bày:

Anh T và chị Nguyễn Thị L có quan hệ là vợ chồng, kết hôn năm 2009. Quá

trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc và đã có ba con chung là Lê Thị Phương A, sinh năm 2010, Lê Trọng Đ, sinh năm 2014 và Lê Trọng T1, sinh ngày 18/11/2020. Trong quá trình chung sống, năm 2018 anh có đồng ý cho chị L đi học nghề làm đẹp SPA ở thành phố T và Hà Nội. Đến năm 2019 thì gia đình có mở tiệm tại nhà ở N, nhưng chị L vẫn muốn tiếp tục đi học nghề ở Hà Nội và thành phố T. Vào cuối năm 2022 gia đình anh có mở thêm 01 cơ sở SPA ở thành phố T, do chị L quản lý. Sau đó thì mỗi khi có khách ở quê, anh gọi điện thì chị L lại về quê làm, rồi lại đi xuống thành phố T. Nay anh Đậu Đức N có đơn khởi kiện đề nghị xác định cháu Lê Trọng T1 là con đẻ của anh N, quan điểm của anh là không đồng ý, vì anh xác định cháu T1 là con đẻ của anh và chị L sinh ra trong thời kỳ hôn nhân. Việc anh N nói cháu T1 là con đẻ của anh N là hoàn toàn không có cơ sở.

Ngày 16/10/2023 Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 07/2023/QĐ-TCGD trưng cầu: Giám định ADN của anh Đậu Đức N và cháu Lê Trọng T1, xác định: anh Đậu Đức N và cháu Lê Trọng T1 có mối quan hệ huyết thống bố-con không? Giám định ADN của anh Lê Trọng T và cháu Lê Trọng T1, xác định: anh Lê Trọng T và cháu Lê Trọng T1 có mối quan hệ huyết thống bố-con không? Tuy nhiên, chỉ có anh N đi giám định theo quy định, còn anh T từ chối việc đi giám định, mặc dù đã được Tòa án thông báo.

Tại Bản kết luận giám định số 3882/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T về việc giám định ADN của anh Đậu Đức N, sinh năm 1990, nơi ĐKKHKT: Phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa với cháu Lê Trọng T1, sinh ngày 18/11/2020 (là con đẻ của anh Lê Trọng T và chị Nguyễn Thị L theo giấy khai sinh), Kết luận: Anh Đậu Đức N có quan hệ huyết thống (bố - con) với cháu Lê Trọng T1, xác suất 99,9999986%.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 29/11/2023, đại diện Ủy ban nhân xã N cho biết: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Trọng T có quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 16/11/2010. Quá trình chung sống, chị L và anh T có 03 con chung là Lê Thị Phương A, sinh năm 2010, Lê Trọng Đ, sinh năm 2014 và Lê Trọng T1, sinh ngày 18/11/2020.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 29/11/2023, đại diện Ủy ban nhân xã X cho biết: Theo Sổ đăng ký kết hôn hiện đang lưu trữ tại xã X, thì chị Nguyễn Thị L và anh Lê Trọng T có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 16/11/2010, sổ chứng nhận kết hôn 47.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định thẩm quyền; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý; Việc cấp tổng đạt, thông báo, niêm yết văn bản tố tụng; Quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành giao Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử cho Viện

kiểm sát và niêm yết quyết định chậm theo quy định. Xét thấy vi phạm đó không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xác định anh Đậu Đức N, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tiểu khu A, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa là cha đẻ của cháu Lê Trọng T1 do chị Nguyễn Thị L sinh ra ngày 18/11/2020.

- Về án phí: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định.

- Xét thấy vụ án có dấu hiệu của hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan có thẩm quyền xem xét, nếu có căn cứ xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đậu Đức N khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết tranh chấp về xác nhận cha cho con; bị đơn là chị Nguyễn Thị L, cư trú tại: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, theo quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đậu Đức N, bị đơn chị Nguyễn Thị L và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đều vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trọng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đậu Đức N về việc xác định anh Đậu Đức N là cha đẻ của cháu Lê Trọng T1, sinh ngày 18/11/2020, thấy rằng:

[2.1]. Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Trọng T có quan hệ là vợ chồng hợp pháp, đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T vào ngày 16/11/2010. Căn cứ giấy khai sinh số 02, ngày đăng ký 05/01/2021, do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T cấp, thì chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lê Trọng T1, sinh ngày 18/11/2020. Quá trình giải quyết vụ án, chị L xác nhận việc chị có quan hệ tình cảm với anh Đậu Đức N và sinh ra cháu Lê Trọng T1 trong thời kỳ hôn nhân giữa chị với anh T, nên chị có ý kiến đồng ý đề nghị xác định cháu T1 là con đẻ của anh N. Anh T khai khẳng định cháu T1 là con đẻ của anh với chị L, sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên anh T từ chối việc giám định ADN để xác định huyết thống giữa anh T với cháu T1 theo Quyết định trưng cầu giám định ADN của Tòa án.

[2.2] Căn cứ vào Bản kết luận giám định số 3882/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh T về việc giám định ADN của anh Đậu Đức N, sinh năm 1990, nơi ĐKKHKT: Phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa với cháu Lê Trọng T1, sinh ngày 18/11/2020 (là con đẻ của anh Lê Trọng T và chị Nguyễn Thị L theo giấy khai sinh), kết luận: Anh Đậu Đức N có quan hệ huyết thống (bố - con) với cháu Lê Trọng T1, xác suất 99,9999986%.

[2.3] Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định: anh Đậu Đức N là bố đẻ của cháu Lê Trọng T1, sinh ngày 18/11/2020 (Theo giấy khai sinh là con đẻ của anh Lê Trọng T và chị Nguyễn Thị L). Do đó yêu cầu của anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc: Đề nghị chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý trách nhiệm đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì chưa đủ cơ sở xác định việc chị Nguyễn Thị L và anh Đậu Đức N có chung sống với nhau như vợ chồng.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì yêu cầu về xác định cha cho con của anh N thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Do đó, cần hoàn trả lại anh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật hôn nhân

và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đậu Đức N về “xác định cha cho con”.

Xác định anh Đậu Đức N, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tiểu khu A, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa là cha đẻ của cháu Lê Trọng T1, sinh ngày 18/11/2020, theo Giấy khai sinh số 02, ngày đăng ký 05/01/2021, do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp.

Anh Đậu Đức N, chị Nguyễn Thị L và anh Lê Trọng T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đề cải chính hộ tịch cho cháu Lê Trọng T1 theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Anh Đậu Đức N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Đậu Đức N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0016253 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến